

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/DS - PT

Ngày: 26 - 3 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Lực

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2025/QĐ - PT ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định số: 109/2025/QĐ -PT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình

Địa chỉ: Số 48C Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc T1 – Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng thuộc Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L, theo Văn bản ủy quyền Số 31/UQ-QTD ngày 17/5/2024. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Đồng Thị Kim X, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hùng Q, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số C L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi chấp hành án: Trại tạm giam Công an tỉnh T.

2. Ông Đồng Minh T2, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi chấp hành án: Trại giam B Cục C1 – Bộ C2.

3. Ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1959 (chết năm 2024).

Địa chỉ: Số C L, khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh L:

- Bà Tô Mỹ L1, sinh năm 1961 (xin vắng mặt)

- Anh Nguyễn Phúc A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hùng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/5/2015 bà Đồng Thị Kim X có vay tại Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L4 tổng số tiền vay là 350.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 87/5/15, thời hạn vay là 36 tháng, đến hạn ngày 30/5/2018, lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1.5%/tháng, mục đích vay là để cải tạo ao nuôi tôm; sau khi vay bà X đã trả nợ gốc được 3.190.800đ. Đến ngày 31/5/2018 nợ đã chuyển sang quá hạn. Đến ngày 02/7/2018 bà Đồng Thị Kim X đã trả nợ gốc được 346.809.200đ, xem như bà X đã trả xong nợ gốc. Trong quá trình vay bà X chưa trả lãi cho Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L4. Nay Quỹ tín dụng Nhân dân cơ sở L4 yêu cầu Tòa án buộc bà Đồng Thị Kim X phải có nghĩa vụ trả nợ lãi cho Q1 tín dụng L tổng số tiền là 132.365.500đ (trong đó lãi trong hạn là 126.816.600đ; lãi quá hạn là 5.548.900đ, tính từ ngày 30/5/2015 đến ngày 01/7/2018).

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 22/8/2024, Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án đưa ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 liên đới cùng bà Đồng Thị Kim X trả nợ

lãi cho Q1 tín dụng L là 132.365.500 đồng tiền lãi (trong đó, lãi trong hạn là 126.816.600đ; lãi quá hạn là 5.548.900đ, tính từ ngày 30/5/2015 đến ngày 01/7/2018 của Hợp đồng số 87/5/15 ngày 30/5/2015. Vì, theo Văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 thì ông Q, ông L, ông T2, ông T3 có liên quan đến hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bị đơn bà Đồng Thị Kim X trình bày: Bà xác nhận vào ngày 30/5/2015 bà có đứng tên vay tiền giùm ông Lê Hùng Q, Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng L số tiền 350.000.000đ, bà có ký tên trong hợp đồng tín dụng và ký tên trong phiếu chi nhận tiền ngày 30/5/2015 nhưng trên thực tế bà không có nhận tiền, số tiền này ông Q nhận. Sau đó, ai nộp trả cho Q1 tín dụng thì bà không biết. Nay, Quỹ tín dụng kiện bà phải liên đới cùng ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 phải trả cho Q1 tín dụng L số tiền lãi 132.365.500đ thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L trình bày: Ông L thừa nhận 04 ông gồm: Ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn Thanh thế C 06 thửa đất (ông không nhớ số thửa) tọa lạc xã N huyện D do ông Q, ông L, ông T2, ông T3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp đảm bảo cho bà X đứng tên trên Hợp đồng vay tiền giùm 04 ông để trồng thanh long ở xã N, huyện D. Bốn ông đã trả xong tiền gốc (do ông Nguyễn Minh L đại diện trả), còn lãi chưa kịp trả thì ông Q, ông L, ông T2 bị bắt. Theo ông L thì ông L, ông Q, ông T2, ông T3 phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 132.365.500đ nêu trên cho Quỹ tín dụng L. Phía ông L thì đồng ý trả $\frac{1}{4}$ số tiền lãi này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ông Đồng Minh T2 trình bày: Ông T2 xác nhận ông có ký tên trong Văn bản thỏa thuận ngày 02/7/2018 và thừa nhận Hợp đồng vay nêu trên là của 04 ông gồm: Ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhờ bà Đồng Thị Kim X đứng tên vay tiền giùm các ông để trồng thanh long ở xã N, huyện D. Các ông đã trả xong tiền gốc cho Quỹ tín dụng L (do ông Nguyễn Minh L đại diện trả), còn tiền lãi chưa trả. Theo ông T2 thì ông L, ông Q, ông T2, ông T3 phải có nghĩa vụ trả khoản lãi 132.365.500đ cho Quỹ tín dụng L nhưng do ông T2 đang chấp hành án nên không có tiền để trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ông Huỳnh Văn T3 trình bày: Ông T3 trình bày giống như lời khai của ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2 và ông T3 cũng đồng ý trả $\frac{1}{4}$ khoản tiền lãi nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông ông Lê Hùng Q trình bày: 02 hợp đồng của bà Đồng Thị Kim X, bà Phạm Hồng L2 đứng tên vay tiền tại Quỹ tín dụng L là do ông Lê Hùng Q, ông Nguyễn Minh L, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 nhờ bà X đứng tên vay giùm các ông và các ông có thể chấp tài

sản của các ông (gọi chung là 04 ông) đối với các thửa đất số 793, 454, 465, 470, 471, 468 cùng tờ bản đồ số 8 tổng diện tích 21.590m² tọa lạc xã N, huyện D để thế chấp đảm bảo cho bà Phạm Hồng L2, bà Đồng Thị Kim X, ông Đồng Quốc T4 và ông Phạm Thế H vay tại Quỹ tín dụng L 2.300.000.000đ là vay giùm 04 ông, mục đích trồng thanh long ở xã N, huyện D. Ngày 02/7/2018 bốn ông đã vay chiết khấu tại Ngân hàng H1 - Chi nhánh T5 2.300.000.000đ và 04 ông đã trả xong vốn gốc cho Quỹ tín dụng L (khoản vay của bà X 346.000.000đ, của bà L2 620.000.000đ, của ông T4 844.000.000đ, của ông H 490.000.000đ). Thời điểm tháng 7 năm 2018 Quỹ tín dụng cần tiền “*thanh khoản*” để trả tiền gửi cho khách hàng, Quỹ tín dụng có mời 04 ông lại yêu cầu trả khoản vay 2.300.000.000đ nêu trên và Quỹ tín dụng tạo điều kiện cho 04 ông lấy tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa nêu trên đem thế chấp vay tái chiết khấu tại Ngân hàng H1 để trả 2.300.000.000đ cho Quỹ tín dụng L. Theo Điều lệ của Quỹ tín dụng L là trả nợ gốc trước hạn để tự “*thanh khoản*” cho Q1 tín dụng, tức là trả nợ gốc trước hạn không cần trả lãi thì hợp đồng vay đó tất toán. Nay, ông Q không đồng ý trả nợ lãi của các khoản vay nêu trên (cụ thể không đồng ý trả nợ lãi 132.365.500đ của hợp đồng vay số 87/5/15 ngày 30/5/2015 do Đồng Thị Kim X đứng tên vay).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh L: Bà Tô Mỹ L1, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền lãi 132.365.500đồng (lãi trong hạn là 126.816.600đồng; lãi quá hạn là 5.548.900đồng, tính từ ngày 30/5/2015 đến ngày 01/7/2018, lãi của Hợp đồng số 87/5/15 ngày 30/5/2015). Trong đó, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375đồng; ông Đồng Minh T2 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375 đồng; ông Huỳnh Văn T3 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375 đồng; người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L: Bà Tô Mỹ L1, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375 đồng trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L để lại.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L về yêu cầu bà Đồng Thị Kim X liên đới cùng các ông Lê Hùng Q, Đồng Minh T2, Huỳnh Văn T3, Nguyễn Minh L trả nợ lãi cho Q1 tín dụng L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên phát

mãi các thửa đất 793, 464, 465, 470, 471, 468, 799 để trả số tiền lãi 132.365.500 đồng cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền lãi 132.365.500 đồng, không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; hơn nữa việc thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 7.740m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 608098 chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 87/5/15 ngày 30/5/2015 mà chưa đăng ký giao dịch bảo đảm nên chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Q là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Hùng Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên phát mãi các thửa đất 793, 464, 465, 470, 471, 468, 799 để trả số tiền lãi 132.365.500 đồng cho Q1 tín dụng nhân dân cơ sở L, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền lãi 132.365.500 đồng trên số tiền vay 350.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 87/5/15 ngày 30/5/2015 mà không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Theo Điều 5 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định thì Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4 không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề này khi không có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa việc thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 7.740m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 608098 chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 87/5/15 ngày 30/5/2015 mà

chưa đăng ký giao dịch bảo đảm nên chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó kháng cáo ông Lê Hùng Q là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Q là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án dân sự phúc thẩm cho ông Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hùng Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L4.

Buộc ông Lê Hùng Q, ông Đồng Minh T2, ông Huỳnh Văn T3 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Minh L gồm: Bà Tô Mỹ L1, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long Bình tổng số tiền lãi 132.365.500đồng (*lãi trong hạn là 126.816.600đồng; lãi quá hạn là 5.548.900đồng, tính từ ngày 30/5/2015 đến ngày 01/7/2018, lãi của Hợp đồng số 87/5/15 ngày 30/5/2015*). Trong đó, ông Lê Hùng Q có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375đồng; ông Đồng Minh T2 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375đồng; ông Huỳnh Văn T3 có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375đồng; người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L gồm bà Tô Mỹ L1, anh Nguyễn Phúc A phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{4}$ = 33.091.375 đồng trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Minh L để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Hùng Q.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng